

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 17 tháng 3 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 08/2023/TLST-KDTM ngày 08 tháng 3 năm 2023.

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng N; địa chỉ: số H, phường T, quận B, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Toàn V - Tổng Giám đốc

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền lại của nguyên đơn: ông Phạm Văn H - Phó Giám đốc Ngân hàng N, chi nhánh N; địa chỉ: số H, đường V, phố M, phường V, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (Quyết định ủy quyền số 30B/QĐ-NHNo.NNB-TH ngày 05/01/2023)

- *Bị đơn*: + Bà Phạm Thị T, sinh năm 1958

+ Ông Nguyễn Văn Y, sinh năm 1954

+ Anh Nguyễn Tuấn N, sinh năm 1981

+ Anh Nguyễn Mạnh D, sinh năm 1987

+ Anh Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1992

Cùng địa chỉ: số nhà K, ngõ B, đường C, phố N, phường Đ, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Tính đến hết ngày 31/12/2022, bị đơn - bà Phạm Thị T, ông Nguyễn Văn Y, anh Nguyễn Tuấn N, anh Nguyễn Mạnh D, anh Nguyễn Mạnh C còn nợ Ngân hàng N số tiền là: tiền gốc 3.775.000.000 đồng, tiền lãi 1.466.422.076 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 5.241.422.076 đồng (Năm tỷ hai trăm bốn mươi một triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn không trăm bảy mươi sáu đồng).

Bà Phạm Thị T, ông Nguyễn Văn Y có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng N số tiền gốc là: 3.775.000.000 đồng, lãi là: 1.466.422.076 đồng. Tổng cả gốc và lãi là: 5.241.422.076 đồng (Năm tỷ hai trăm bốn mươi một triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn không trăm bảy mươi sáu đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 01/01/2023 cho đến khi trả hết nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng số 3303-LAV201901031 ngày 16/9/2019.

Thời gian trả nợ tất cả số tiền gốc và lãi nêu trên là ngày 30/4/2023.

Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, bị đơn tự nguyện cam kết: trong bất kể trường hợp nào, không xét đến lý do, nếu bà T, ông Y vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nêu trên (trả nợ không đúng thời hạn, không trả đủ hoặc không trả) hoặc sau thời điểm ký biên bản hòa giải, bị đơn có hành vi nhằm chuyển dịch quyền sở hữu, thế chấp, bảo lãnh, chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn... đối với tài sản đã thế chấp mà không được sự đồng ý bằng văn bản của Ngân hàng N thì Ngân hàng được quyền yêu cầu bà T, ông Y hoặc đề nghị cơ quan Thi hành án buộc bà T, ông Y phải trả ngay toàn bộ số tiền còn nợ hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp cho khoản vay để thu hồi nợ cho ngân hàng, cụ thể là: thửa đất số 209 + 102B, tờ bản đồ số 115; địa chỉ phố N, phường Đ, thành phố N và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 20190916-ĐT ngày 16/9/2019.

Trường hợp sau khi phát mại tài sản thế chấp mà chưa thu hồi hết nợ, thì bà T, ông Y tiếp tục trả số tiền còn nợ cho Ngân hàng kể cả lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng số 3303-LAV201901031 ngày 16/9/2019.

Ngân hàng N tiếp tục quản lý giấy tờ về quyền sở hữu, sử dụng tài sản thế chấp để bảo đảm thi hành án theo hợp đồng thế chấp.

2. Về án phí:

2.1. Miễn án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm cho bà Phạm Thị T, ông Nguyễn Văn Y.

2.2. Ngân hàng N không phải chịu án phí; hoàn trả lại cho Ngân hàng N tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0001034 ngày 07 tháng 3 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố N là 56.600.000 đồng (Năm mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND TP. Ninh Bình
- Chi cục THADS TP. Ninh Bình;
- Các đ-ơng sự;
- L- u.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Hiền